BÀI 12. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

*(Thời gian thực hiện dự kiến: 03 tiết)*

I. MỤC TIÊU

 1. Kiến thức.

* Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.
* Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.
* Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

 2. Năng lực.

* Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học thông qua quá trình làm việc cá nhân: xác định nhiệm vụ cần làm, triển khai thực hiện,...

+ Giao tiếp và hợp tác thông qua sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận, đánh giá về các nội dung của bài học.

* Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng.

+ Tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng Đồng bằng sông Hồng; năng lực hợp tác và giao tiếp,...

 3. Phẩm chất.

Thêm yêu quý và có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường,... vùng Đồng bằng sông Hồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

* Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
* Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng. Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng.
* Các thiết bị và học liệu khác có liên quan đến nội dung bài học (tranh ảnh, video, bảng số liệu,...).
* SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

 2. Học sinh.

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu.

1. *Mục tiêu.*

Tạo hứng thú ban đầu, gợi lại những điều HS đã biết và muốn biết về vùng Đồng bằng sông Hồng.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1:

+ Phương án 1: GV yêu cầu HS đọc tình huống mở đầu như gợi ý trong SGK.

+ Phương án 2: GV tạo một tình huống khác với SGK (cho HS xem một đoạn video về đặc điểm tự nhiên, dân cư hoặc kinh tế - xã hội của vùng,...) và đặt câu hỏi: *Em có những hiểu biết gì về vùng Đồng bằng sông Hồng?*

* Bước 2: GV dành một khoảng thời gian nhất định để HS làm việc cá nhân.
* Bước 3: GV gọi vài HS trả lời.
* Bước 4: Sau khi HS trả lời, GV tóm tắt lại những ý cơ bản và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới.

 ***2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ***

1. *Mục tiêu*

Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 1 và dựa vào hình 12.1 trong SGK hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Hồng. GV trình chiếu hoặc treo bản đồ tự nhiên Đồng bằng sông Hồng. GV gợi ý HS:

*+ Đồng bằng sông Hồng có bao nhiều tỉnh, thành phố phố trực thuộc Trung ương?*

*+ Xác định các vùng và quốc gia tiếp giáp.*

*+ Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội trong vùng và những tác động tới các vùng kinh tế khác.*

* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Sau khi HS thực hiện nhiệm vụ xong, GV gọi một vài HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
* Vùng Đồng bằng sông Hồng giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và nước láng giềng Trung Quốc; phía đông có vùng biển rộng thuộc vịnh Bắc Bộ với nhiều đảo.
* Vùng Đồng bằng sông Hồng là cửa ngõ ra biển của các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ; có hệ thống giao thông kết nối với các vùng trong nước và thế giới thuận lợi.

***2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

*2.2.1. Thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản*

1. *Mục tiêu*

Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm hoặc cặp, thực hiện nhiệm vụ:

*+ Phân tích đặc điểm tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.*

*+ Cho biết đặc điểm tài nguyên thiên nhiên đó có thế mạnh gì đối với phát triển kinh tế.*

GV gợi ý HS đọc thông tin trong SGK và dựa vào hình 12.1 để phân tích các thế mạnh về điều kiện tự nhiên, từ đó suy luận, với những thế mạnh đó sẽ phát triển những ngành kinh tế nào (nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản).

* Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Sau khi các thực hiện nhiệm vụ xong, GV gọi đại diện các nhóm báo cáo, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV kẻ bảng và chuẩn hoá kiến thức.

| **Yếu tố tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Thế mạnh** |
| --- | --- | --- |
| Địa hình và đất | - Khu vực đồng bằng địa hình tương đối bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ.- Khu vực đồi núi có đất feralit,... - Ven biển có đất mặn, đất phèn,.. | Phát triển nông nghiệp (trồng cây lương thực, cây thực phẩm và cây ăn quả) và lâm nghiệp. |
| Khí hậu | Nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh. | Thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi phát triển quanh năm, tạo điều kiện để xen canh, tăng vụ, đặc biệt có thế mạnh trồng cây ưa lạnh. |
| Nguồn nước | Mạng lưới sông ngòi dày đặc với hai hệ thống sông lớn là hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình; nhiều hồ, vùng trũng. | Sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt. |
| Sinh vật | Tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng. Khu vực đồi núi, ven biển, trên một số đảo có nhiều rừng. Sông và biển có nhiều thuỷ sản. | Phát triển lâm nghiệp, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản. |

*2.2.2. Vấn đề phát triển kinh tế biển.*

*a) Mục tiêu*

Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển vùng Đồng bằng sông Hồng.

*b) Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS vào hình 12.1 và thông tin mục b, hãy phân tích vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

GV gợi ý HS: *Với vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên thiên nhiên sẽ tạo điều kiện để phát triển những ngành kinh tế biển nào? Mặt trái do phát triển kinh tế biển; những vấn đề cân chú trọng khi phát triển kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng là gì?*

* Bước 2: GV dành thời gian để HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
* Bước 3: HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Đồng bằng sông Hồng có bờ biển dài, với nhiều vũng vịnh nên thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải biển.
* Đồng bằng sông Hồng có nhiều đảo, bãi biển, trên một số đảo và ven biển có vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển nên thuận lợi để phát triển du lịch.
* Đồng bằng sông Hồng có vùng biển rộng, các bãi cá bãi tôm, là điều kiện để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.
* Ven biển Đồng bằng sông Hồng có một số khoáng sản như khí tự nhiên, cát thủy tinh, ti-tan, thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai khoáng.
* Ven biển Đồng bằng sông Hồng đã hình thành một số khu kinh tế ven biển như Vân Đồn (Quảng Ninh), Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng),...
* Một số mặt trái do phát triển kinh tế biển: ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên,...
* Vấn đề cần chú trọng khi phát triển kinh tế biển (phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển).

***2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu dân cư, xã hội.***

*a) Mục tiêu*

Phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

*b) Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ:

*+ Phân tích đặc điểm dân cư vùng Đồng bằng sông Hồng.*

*+ Nêu ảnh hưởng của dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng.*

* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một số HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Đặc điểm dân cư:

+ Đồng bằng sông Hồng có quy mô dân số lớn và tiếp tục gia tăng, do tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn cao và thu hút người nhập cư.

+ Cơ cấu dân số vàng. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế.

+ Phân bố dân cư: có mật độ dân số đông nhất cả nước.

+ Thành phần dân tộc: có nhiều dân tộc chung sống: Kinh, Dao, Tày, Mường,...

* Ảnh hưởng của dân cư đến phát triển kinh tế - xã hội:

+ Dân số đông tạo nên thị trường tiêu thụ lớn, thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển.

+ Dân số đông cũng gây sức ép tới chỗ ở, giáo dục, y tế, môi trường.

\* Lưu ý: Về dân cư, GV tập trung vào 4 đặc điểm:

* Quy mô và gia tăng dân số, căn cứ vào thông tin trong bài, nhất là bảng số liệu, để thấy được quy mô dân số ở Đồng bằng sông Hồng lớn và tiếp tục tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của vùng còn cao và là một trong những vùng có sức thu hút người nhập cư lớn nhất cả nước.
* Cơ cấu dân số: Đồng bằng sông Hồng thuộc nhóm cơ cấu dân số vàng, nhóm người từ 15 đến 64 tuổi chiếm tỉ lệ cao.
* Phân bố dân cư: Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước (nguyên nhân: vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi, là một trong những vùng kinh tế phát triển nhất cả nước, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời,...). Tuy nhiên, dân số sinh sống ở khu vực nông thôn vẫn nhiều hơn khu vực thành thị.
* Thành phần dân tộc: Đồng bằng sông Hồng cũng có nhiều dân tộc chung sống.

*2.3.1. Nguồn lao động.*

*a) Mục tiêu.*

Phân tích được đặc điểm nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào thông tin mục b, thực hiện nhiệm vụ:

*+ Phân tích đặc điểm nguồn lao động ở vùng Đồng bằng sông Hồng (số lượng, chất lượng, phân bố).*

*+ Nêu ảnh hưởng của nguồn lao động đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng (GV đặt câu hỏi nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao hàng đâu cả nước sẽ có tác động tích cực như thế nào? Nguồn lao động dồi dào cũng có hạn chế ra sao?).*

* Bước 2: GV dành một khoảng thời gian nhất định để HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một vài HS trả lời, Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Về đặc điểm nguồn lao động:

+ Số lượng: Đồng bằng sông Hồng có nguồn lao động dồi dào.

+ Chất lượng: có trình độ cao nhất cả nước.

+ Phân bố: lực lượng lao động tập trung ngày càng nhiểu ở khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ; Hà Nội và Hải Phòng tập trung nhiều lao động có trình độ cao.

* Ảnh hưởng của nguồn lao động đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng:

+ Nguồn lao động dồi dào và có trình độ cao là cơ sở thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế.

+ Lao động tập trung đông ở các thành phố cũng gây khó khăn cho vấn đề giải quyết việc làm.

*2.3.2. Đô thị hoá.*

1. *Mục tiêu*

Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào thông tin, phân tích vấn đề đô thị hoá ở vùng Đồng bằng sông Hồng. GV gợi ý HS cần làm rõ một số vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng:

+ Lịch sử hình thành và phát triển đô thị.

+ Tính chất đô thị hoá.

+ Thực trạng đô thị hoá.

+ Tác động của đô thị hoá.

* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức, làm rõ xu hướng đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng.
* Lịch sử hình thành và phát triển đô thị: Đô thị ở vùng Đồng bằng sông Hồng hình thành rất sớm, tuy nhiên phát triển chậm.
* Tính chất đô thị hoá: từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước (năm 1986), quá trình đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
* Thực trạng đô thị hoá:

+ Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ngày càng tăng; mạng lưới đô thị dày đặc, quy mô đô thị mở rộng.

+ Xu hướng hình thành các đô thị hiện đại, thông minh, xanh, vệ tinh, vùng đô thị,... phát triển các đô thị hai bên bờ sông Hồng.

* Tác động của đô thị hoá:

+ Góp phần thúc đẩy quá trình sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực,...

+ Đô thị hoá tự phát gây ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông,...

***2.4. Nội dung 4: Tìm hiểu vị thế của Thủ đô Hà Nội***

1. *Mục tiêu*

Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong SGK và hiểu biết, hãy phân tích vị thế của Thủ đô Hà Nội.
* Bước 2: Sau khi HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh, số liệu, tư liệu,... trả lời câu hỏi.
* Bước 3: GV gọi một vài HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức. GV sử dụng hình ảnh trực quan, số liệu, tư liệu,... để minh hoạ thêm, làm bài học thêm hấp dẫn.
* Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, giao dịch quốc tế,...
* Quy mô kinh tế của Hà Nội lớn (chiếm khoảng 41% GRDP toàn vùng Đồng bằng sông Hồng và khoảng 13% GDP cả nước - năm 2021).
* Hà Nội thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và có trị giá xuất khẩu đứng hàng đầu cả nước.
* Ảnh hưởng của Hà Nội tới các vùng khác và cả nước.
* Mục tiêu phấn đấu Hà Nội sẽ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

***2.5. Nội dung 5: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố kinh tế***

Trước khi tìm hiểu các ngành kinh tế, GV giới thiệu khái quát về kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng.

*2.5.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.*

1. *Mục tiêu*

Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

1. *Tổ chức thực hiện*

GV nêu khái quát về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản trong cơ cấu GRDP của vùng Đồng bằng sông Hồng và xu hướng mới trong sản xuất nông nghiệp.

\* Đối với ngành trồng trọt:

* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS đọc kĩ nội dung trong SGK, phân tích bảng số liệu, kết hợp bản đồ, trình bày sự phát triển và phân bố trồng trọt ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
* Bước 2: Các nhóm trao đổi, thảo luận để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
* Bước 4: Sau khi HS trả lời, GV chuẩn hoá kiến thức.
* Đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất cây lương thực lớn thứ hai cả nước.

+ Lúa là cây lương thực chủ yếu.

+ Năng suất lúa đứng đầu cả nước nhưng, diện tích và sản lượng có xu hướng giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa,...

+ Lúa được trồng nhiều ở Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương,...

* Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh trồng cây thực phẩm, nhất là cây vụ đông.
* Cây ăn quả có xu hướng mở rộng về diện tích. Một số nơi trồng cây ăn quả tập trung với quy mô lớn, có chỉ dẫn địa lí như vải thiều Hải Dương, nhãn Hưng Yên,...

Lưu ý: GV giải thích nguyên nhân thay đổi về diện tích và sản lượng lúa ở vùng Đồng bằng sông Hồng là do chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Về năng suất lúa, nguyên nhân chủ yếu là kinh nghiệm và áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật trong sản xuất. Về phân bố, dựa vào hình 12.3 để tìm ra những địa phương trồng nhiều lúa ở Đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Thái Bình, Nam Định,...).

\* Đối với ngành chăn nuôi:

* Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và quan sát hình 12.3, trình bày sự phát triển và phân bố chăn nuôi ở Đồng bằng sông Hồng.
* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: HS báo cáo, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức, nhấn mạnh Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh phát triển chăn nuôi. Nguyên nhân: nguồn thức ăn từ hoa màu lương thực phong phú, công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi phát triển; dân số đông, nhu cầu thực phẩm nhiều,... GV nhấn mạnh đến việc ứng dụng mô hình chăn nuôi hiện đại ngày càng phổ biến.
* Chăn nuôi được chú trọng phát triển, phương thức chăn nuôi hiện đại, quy mô lớn ngày càng phổ biến.
* Lợn và gia cầm là những vật nuôi quan trọng, được nuôi nhiều ở Hà Nội, Thái Bình, Nam Định,...

\* Đối với ngành thuỷ sản:

* Bước 1: GV hướng dẫn HS khai thác bảng số liệu để rút ra nhận xét về sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Hồng tăng. Liên hệ thực tiễn để HS thấy được phương thức khai thác và nuôi trồng ngày càng hiện đại. Dựa vào hình 12.3 cho biết những địa phương phát triển khai thác hải sản.
* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một vài HS báo cáo.
* Bước 4: Sau khi HS trả lời, GV chuẩn hoá kiến thức.
* Hoạt động khai thác và nuôi trồng thuỷ sản của vùng được đẩy mạnh.
* Sản lượng thuỷ sản tăng liên tục.
* Những địa phương ven biển như Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng phát triển nuôi trồng và khai thác thuỷ sản.

\* Đối với ngành lâm nghiệp:

* Bước 1: GV sử dụng phương pháp thuyết trình, cung cấp thông tin để HS biết được thực trạng phát triển và phân bố lâm nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng.

+ *Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Hồng không nhiều,* năm 2022 có 487,4 nghìn ha, tỉ lệ che phủ rừng là 22,7% (trong khi cả nước là 42%). Tỉnh có diện tích và tỉ lệ che phủ rừng nhiều nhất vùng là Quảng Ninh, với diện tích 370,2 nghìn ha, tỉ lệ che phủ là 55%, tiếp đến là Vĩnh Phúc, diện tích rừng 33,4 nghìn ha, tỉ lệ che phủ 25%; Ninh Bình, diện tích 27,9 nghìn ha, tỉ lệ che phủ 19,7%; các địa phương còn lại trong vùng có diện tích và tỉ lệ che phủ rất thấp, đều dưới 10%.

+ Do diện tích rừng không nhiều, tỉ lệ che phủ không cao nên *sản lượng khai thác gỗ ít,* khoảng 862,4 nghìn m3 (bằng 4,1% cả nước). Gỗ được khai thác ở các rừng trồng chủ yếu phục vụ khai thác mỏ (chống hầm mỏ).

+ Trong vùng có một số vườn quốc gia và các khu dự trữ sinh quyển, rừng phòng hộ được chú trọng bảo vệ. Ngoài ra, ở khu vực đồi núi nhân dân còn trồng được cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.

* Bước 2: GV gọi một số HS nêu thực trạng phát triển và phân bố lâm nghiệp.
* Bước 3: HS nhận xét.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác còn ít.
* Quảng Ninh là tỉnh có diện tích và sản lượng gỗ khai thác lớn nhất vùng.
* Rừng dược chú trọng bảo vệ.
* Ngành lâm nghiệp ngày càng mang lại giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường đối với vùng Đồng bằng sông Hồng.

*2.5.2. Công nghiệp.*

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

1. *Tổ chức thực hiện.*
* Bước 1: GV tổ chức cho HS thực hiện theo cặp; yêu cầu HS dựa vào thông tin mục b và hình 12.3, hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

GV gợi ý HS tập trung vào các ý chính sau: lịch sử phát triển; thực trạng: cơ cấu ngành như thế nào, phát triển ra sao (dựa vào bảng số liệu rút ra nhận xét), phân bố (dựa vào hình 12.3). Tác động của phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng và vấn đề đặt ra.

* Bước 2: Các cặp thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Sau khi các cặp thực hiện xong nhiệm vụ, GV gọi đại diện báo cáo, nhận xét.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng hình thành sớm nhất cả nước và phát triển mạnh trong thời kì đất nước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
* Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng với nhiều ngành khác nhau và phát triển nhanh như: sản xuất ô tô, dệt và sản xuất trang phục, sản xuất điện, điện tử, máy vi tính,...
* Các trung tâm công nghiệp lớn của vùng là Hà Nội, Hải Phòng.
* Sự phát triển công nghiệp làm cho kinh tế phát triển nhưng cũng dẫn đến nguy cơ suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
* Công nghiệp của vùng đang phát triển theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh,...

*2.5.3. Dịch vụ.*

1. *Mục tiêu*

Trình bày được sự phát triển và phân bố dịch vụ ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

1. *Tổ chức thực hiện*

GV khẳng định: Vai trò ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao và có đóng góp lớn nhất vào GRDP của vùng. Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau.

\* Đối với thương mại:

* Bước 1: GV đề dẫn, hoạt động thương mại bao gồm nội thương và ngoại thương. GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã có: nhận xét sự phát triển của ngành nội thương và ngoại thương của vùng. Đồng bằng sông Hồng.
* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một số HS trả lời.
* Bước 4: GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.
* Hoạt động nội thương:

+ Phát triển khắp các địa phương, hàng hoá đa dạng, hình thức mua bán phong phú, hiện đại.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh, chiếm tỉ trọng cao so với cả nước.

+ Hà Nội là trung tâm thương mại lớn nhất của vùng.

* Hoạt động ngoại thương:

+ Tỉ trọng trị giá xuất khẩu của vùng chiếm khoảng 35% cả nước (năm 2021).

+ Các địa phương có trị giá xuất khẩu hàng đầu trong vùng là Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương.

+ Cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh và cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) là những nơi diễn ra hoạt động xuất, nhập khẩu chủ yếu của cả vùng.

\* Đối với giao thông vận tải:

* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 12.3, xác định các tuyến đường giao thông, cảng biển, cảng hàng không, các đầu mối giao thông vận tải quan trọng của vùng. Từ đó rút ra nhận xét về các loại hình giao thông vận tải của vùng Đồng bằng sông Hồng và vai trò của chúng.
* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV gọi một số HS trả lời, nhận xét.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.
* Giao thông vận tải ngày càng hiện đại, với nhiều loại hình khác nhau (đường bộ cao tốc, đường cao tốc, cảng hàng không, cảng biển) giúp kết nối các địa phương trong vùng và cả nước cũng như quốc tế được thuận tiện.
* Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải quan trọng nhất vùng Đồng bằng sông Hồng.

\* Đối với du lịch:

* Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 12.3, xác định một số điểm du lịch trong vùng, kết hợp với hiểu biết, chứng minh Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh phát triển du lịch.
* Bước 2: HS suy nghĩ trả lời.
* Bước 3: HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Vùng Đồng bằng sông Hồng có tài nguyên du lịch phong phú với nhiều điểm du lịch hấp dẫn (Hạ Long, Cát Bà, Tràng An,...).
* Du lịch đang dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập.

1. *Mục tiêu*

Củng cố kiến thức đã được học trong bài.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS làm các bài tập luyện tập.
* Bước 2: HS làm bài.
* Bước 3: HS trả lời trước lớp (GV sẽ biết được việc nắm bắt kiến thức đã học của HS).
* Bước 4: GV chuẩn hoá lại một số nội dung đã được học thông qua câu hỏi luyện tập.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng.

1. *Mục tiêu*

Vận dụng kiến thức đã học vào một tình huống mới.

1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Khuyến khích HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.
* Bước 2: HS tìm hiểu ở nhà, trao đổi với GV nếu cần.
* Bước 3: HS chia sẻ sản phẩm với cả lớp.
* Bước 4: GV có thể kiểm tra ở bài học sau, nếu kết quả tốt, cho điểm khuyến khích động viên HS.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG.

Câu 1. Khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm nào sau đây?

 A. Khô nóng quanh năm. C. Ẩm ướt quanh năm.

 B. Có một mùa đông lạnh. D. Có một mùa mưa và mùa khô.

Câu 2. Đồng bằng sông Hồng có điều kiện phát triển du lịch biển, chủ yếu là do

 A. biển có nhiều đảo và quần đảo đẹp.

 B. đường bờ biển dài, nhiều bãi tắm.

 C. dưới đáy biển có nhiều rạn san hô.

 D. bản sắc văn hóa vùng biển đa dạng.

Câu 3. Dân cư vùng Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm nào sau đây?

 A. Nhiều thành phần dân tộc nhất cả nước.

 B. Mật độ dân số đông nhất cả nước.

 C. Thu hút người nhập cư nhất cả nước.

 D. Dân cư khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.

Câu 4. Những nơi diễn ra hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

 A. các cảng biển Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình.

 B. cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Vân Đồn và Cát Bi.

 C. cảng biển Hải Phòng, cảng hàng không quốc tế Vân Đồn.

 D. cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh và cửa khẩu Móng Cái.

Câu 5. Năng suất lúa ở Đồng bằng sông Hồng đứng hàng đầu cả nước, chủ yếu là do

 A. trình độ thâm canh cao, ứng dụng khoa học hiện đại.

 B. diện tích rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, ít bị sâu bệnh.

 C. áp dụng kinh nghiệm cổ truyền trong sản xuất.

 D. sử dụng nhiều phân bón, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 6. Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng?

 A. Hình thành sớm nhất cả nước.

 B. Cơ cấu ngành rất đa dạng.

 C. Mức độ tập trung cao bậc nhất cả nước.

 D. Tỉ trọng công nghiệp khai thác tăng.

\*\*\*